CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/CBTT-SDG.2026	*Cần Thơ, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất quý 3 năm 2026 như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

- Mã chứng khoán: SDG
- Địa chỉ: 366E CMT8, P. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại liên hệ: 0292 3884919 - E-mail: sdccantho@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính quý 3 năm 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/10/2026 tại đường dẫn website: www.sadico.com.vn.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026: không

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**** Tài liệu đính kèm:***
Báo cáo tài chính Hợp nhất quý 3 năm 2026.
Văn bản giải trình.
Bảng dữ liệu Kết quả kinh doanh so sánh với cùng kỳ.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
CHỦ TỊCH HĐQT



Mai Công Toàn

Nơi nhận :
- Như trên;
- TT HCNS, TTTC;
- Website Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/CBTT-SDG.2026	*Cần Thơ, ngày 30 tháng 10 năm 2026*
V/v giải trình BCTC HN quý 3 năm 2026	

Kính gửi: **Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước;**
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất quý 3 năm 2026 như sau:

Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Báo cáo tài chính Hợp nhất quý 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ.

- Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất quý 3 năm 2026, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có lời, có thay đổi **trên 10%** so với báo cáo cùng kỳ năm trước (Chi tiết tại bảng 1).

* Giải trình nguyên nhân: Công ty đã thực hiện tăng cường công tác bán hàng, nên doanh thu tăng, dẫn đến kết quả là lợi nhuận sau thuế tại kỳ báo cáo tăng so với cùng kỳ năm 2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :
- Như trên;
- TT HCNS, TTTC;
- Website Công ty.

CHỦ TỊCH HĐQT



Mai Công Toàn

1. BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		SO SÁNH	
			Năm nay	Năm trước	Giá trị	Tỷ lệ kỳ này/ kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	277.735.929.442	204.283.895.153	73.452.034.289	36%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	14.081.460.643	15.474.586.150	(1.393.125.507)	-9%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**263.654.468.799**	**188.809.309.003**	**74.845.159.796**	40%
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	242.537.169.584	215.429.004.505	27.108.165.079	13%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**21.117.299.215**	**(26.619.695.502)**	**47.736.994.717**	179%
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	(58.834.388)	509.334.972	(568.169.360)	-112%
8.Chi phí tài chính	*23*	VI.5	5.592.619.460	3.680.035.018	1.912.584.442	52%
Trong đó: chi phí lãi vay	24		5.216.257.972	3.870.774.918	1.345.483.054	35%
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	4.603.963.057	6.756.500.850	(2.152.537.793)	-32%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	7.855.656.649	10.892.814.529	(3.037.157.880)	-28%
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-	-	
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**3.006.225.661**	**(47.439.710.927)**		
13. Thu nhập khác	31	VI.8	276.798.342	936.382.300		
14. Chi phí khác	32	VI.9	1.641.995	31.092		
15. Lợi nhuận khác	**40**		**275.156.347**	**936.351.208**		
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**3.281.382.008**	**(46.503.359.719)**		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	328.572.636		
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(18.558.613)	190.794.493		
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**3.299.940.621**	**(47.022.726.848)**	50.322.667.469	107%
19.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.336.294.020	(24.576.028.895)		
19.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.963.646.601	(22.446.697.953)		